

Số: 378/2018/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 11 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 322/2018/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa người yêu cầu:

+ Anh Phạm Thế H, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Tập thể X, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

+ Chị Trần Thị Mỹ A; sinh năm: 1988. Địa chỉ: số 24/8 đường C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 03 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Thế H và chị Trần Thị Mỹ A.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung và việc nuôi con: Anh Phạm Thế H và chị Trần Thị Mỹ A công nhận vợ chồng có 01 con chung là: Phạm Thái Hoàng N, sinh ngày: 31/01/2018. Hai bên thoả thuận giao con chung là Phạm Thái Hoàng N cho chị Trần Thị Mỹ A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Thế H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Thái Hoàng N trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Thế H và chị Trần Thị Mỹ A thỏa thuận tự giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Thế H và chị Trần Thị Mỹ A xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Là 300.000 đồng, anh Phạm Thế H và chị Trần Thị Mỹ A mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Anh Phạm Thế H và chị Trần Thị Mỹ A đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004941 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TP. Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội (ĐKKH ngày 19/05/2017);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú